HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2026/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 18517/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2026 và áp dụng từ năm ngân sách 2027.

2. Bãi bỏ các Nghị quyết sau kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này:

a) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

b) Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu năm 2025 giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này và Quy định ban hành kèm theo được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Việc chấp hành, chỉnh lý và quyết toán ngân sách trước năm ngân sách 2027 có liên quan đến Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng được thực hiện cho đến khi hoàn thành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa XI, Kỳ họp thứ 9 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Lưu Văn Trung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2026/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Lâm Đồng.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao thêm nguồn thu, nhiệm vụ chi chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo Quy định này chỉ áp dụng đối với phần ngân sách địa phương được hưởng sau khi thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước tại địa phương.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Điều 3. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

1. Tiền sử dụng khu vực biển đối với các trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước ở trung ương và cơ quan nhà nước cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

3. Thu từ hoạt động xổ số.

4. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.

8. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức cấp tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

9. Lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ).

10. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.

11. Tiền bán lâm sản khai thác tận thu, tận dụng do cấp tỉnh quản lý và chủ trì xử lý (sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính và các chi phí có liên quan đến xử lý tài sản).

12. Tiền thu nộp ngân sách để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (bao gồm tiền chậm nộp nếu có).

13. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

14. Tiền thu từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng của các dự án, công trình do cấp tỉnh đầu tư hoặc quản lý.

15. Tiền sử dụng rừng, cho thuê rừng do cấp tỉnh quyết định giao rừng, cho thuê rừng.

16. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

17. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

18. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

19. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

1. Tiền sử dụng khu vực biển đối với các trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý.

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

5. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (không bao gồm thu tiền sử dụng đất).

6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức cấp xã được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Lệ phí do cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện thu; lệ phí trước bạ phát sinh trên địa bàn cấp xã.

9. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện.

10. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác của cấp xã.

11. Tiền bán lâm sản khai thác tận thu, tận dụng do cấp xã quản lý và chủ trì xử lý (sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính và các chi phí có liên quan đến xử lý tài sản).

12. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

13. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

14. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

15. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

16. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

1. Tiền sử dụng đất được phân chia như sau:

a) Tiền sử dụng đất từ đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất của các chủ đầu tư dự án; giao đất ở tái định cư của các dự án do Trung ương và cấp

tỉnh đầu tư hoặc quản lý; tiền ứng trước để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp; thu tiền sử dụng đất do sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất, công trình khác gắn liền với đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

b) Đối với số thu tiền sử dụng đất phát sinh trong năm ngân sách trên địa bàn từng xã, phường, đặc khu (trừ khoản thu thuộc ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% theo điểm a khoản này), ngân sách cấp xã hưởng 100% phần số thu đến 10.000 triệu đồng; đối với số từ trên 10.000 triệu đồng, ngân sách cấp xã hưởng 35%, ngân sách cấp tỉnh hưởng 65%.

2. Tiền thuê đất, tiền cho thuê mặt nước; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương và cấp tỉnh cấp phép thực hiện phân chia: ngân sách cấp tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp xã hưởng 30%.

3. Các khoản thu thuế gồm: Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế tài nguyên (không bao gồm thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu và các khoản thu điều tiết cho ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước), tỷ lệ phần trăm phân chia cho các xã, phường, đặc khu được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này.

Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

a) Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

d) Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

đ) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

e) Chi thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

g) Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương do cấp tỉnh quản lý;

h) Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

Các đơn vị, cơ sở giáo dục công lập (bao gồm hệ giáo dục thường xuyên) và các hoạt động sự nghiệp giáo dục khác thuộc tỉnh quản lý theo phân cấp; các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề công lập; Trường Chính trị tỉnh; chi công tác khuyến học và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề khác thuộc tỉnh quản lý theo phân cấp.

Thực hiện các kế hoạch, đề án về giáo dục - đào tạo và dạy nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với giáo viên, học sinh, sinh viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Quốc phòng: Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng của các lực lượng, đơn vị quân đội cấp tỉnh, phần giao cho địa phương quản lý theo quy định.

d) An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và bảo vệ biên giới của các lực lượng, đơn vị công an cấp tỉnh, phần giao cho địa phương quản lý; chi hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn theo quy định của pháp luật; hỗ trợ quản lý cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương.

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Chi cho công tác phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập; chi hoạt động điều dưỡng, phục hồi chức năng; chi hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh quản lý theo phân cấp.

Chi thực hiện các kế hoạch, đề án về y tế, dân số và gia đình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do tỉnh quản lý được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng theo quy định.

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi hoạt động bảo tồn, bảo tàng, thư viện, chiếu phim, sản xuất phim, biểu diễn nghệ thuật, mỹ thuật, triển lãm, nhiếp ảnh, liên hoan, hội thi, hội diễn, xây dựng đô thị thông minh và các hoạt động văn hóa thông tin khác do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Chi hoạt động phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

h) Sự nghiệp thể dục, thể thao:

Chi cho các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao công lập và các hoạt động thể dục, thể thao do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

Chi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh.

Chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và tham dự các giải thi đấu thể thao toàn quốc, các giải thi đấu thể thao khu vực.

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Chi cho các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền của cấp tỉnh quản lý, thực hiện theo quy định của pháp luật.

k) Các hoạt động kinh tế, gồm:

Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, khuyến ngư, thủy lợi, thủy sản: Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình thủy lợi, trạm nông nghiệp, trạm lâm nghiệp; chi hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; khoanh nuôi, quản lý bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng; chi phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản, thực vật; phòng, chống thiên tai; chi hỗ trợ quan trắc, khí tượng, thủy văn, xây dựng dữ liệu ngành nông nghiệp; chi hỗ trợ về giá sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác các công trình thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

Lĩnh vực giao thông: Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; lắp đặt biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý.

Lĩnh vực tài nguyên: Chi điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch quản lý tài nguyên; đo đạc, lập bản đồ, cơ sở dữ liệu, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác của tỉnh.

Chi hoạt động khuyến công, hỗ trợ các làng nghề; hoạt động thương mại, du lịch và xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi thực hiện các chính sách thu hút, ưu đãi đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực thuộc hoạt động kinh tế theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Chi thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Chi thực hiện các hoạt động kiến thiết thị chính và các lĩnh vực kinh tế khác do tỉnh quản lý.

l) Chi quản lý hành chính, gồm:

Chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo quy định.

m) Chi bảo đảm xã hội, gồm:

Chi cho các trại xã hội, cứu tế xã hội; chi cứu đói, phòng, chống tệ nạn xã hội và các nhiệm vụ, chính sách an sinh xã hội khác thuộc cấp tỉnh quản lý, thực hiện.

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng chính sách xã hội, đối tượng trợ giúp xã hội, người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến thuộc cấp tỉnh quản lý.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định.

3. Chi bổ sung Quỹ thi đua - khen thưởng cấp tỉnh.

4. Chi thường xuyên thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương do cấp tỉnh quản lý.

5. Chi hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ các địa phương khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền vay của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

8. Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh; chi từ nguồn huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

9. Chi viện trợ.

10. Chi dự phòng ngân sách cấp tỉnh.

11. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

12. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh sang năm sau.

13. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

14. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thực hiện nhiệm vụ đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Chi đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã; đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thuộc cấp xã quản lý.

b) Chi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên do cấp xã quản lý.

c) Chi đầu tư thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

d) Chi đầu tư phát triển khác của cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo:

Chi cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên do cấp xã quản lý theo phân cấp.

Chi cho Trung tâm chính trị thuộc cấp xã quản lý.

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, học sinh, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc cấp xã quản lý.

Chi hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục do cấp xã trực tiếp quản lý; hỗ trợ Trung tâm giáo dục cộng đồng; hỗ trợ, thăm hỏi nhân các ngày lễ lớn của ngành Giáo dục và Đào tạo; chi cho khai giảng, bế giảng; chi cho công tác khuyến học theo phân cấp và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, gồm:

Chi đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo quy định của pháp luật.

Chi tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

Chi tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên.

Chi thực hiện công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam. Chi thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự.

Chi hoạt động phòng không nhân dân thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Phòng không nhân dân.

Chi công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh. Chi xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ xã; diễn tập, hội thao quốc phòng; nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, chính sách hậu phương quân đội; công tác đối ngoại quốc phòng và các nhiệm vụ khác giao cho cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Quốc phòng và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

d) Chi thực hiện các nhiệm vụ về an ninh và trật tự, an toàn xã hội, gồm:

Chi bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; chi trả lương, phụ cấp, trợ cấp cho các đối tượng thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chi triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã; chi cho Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã; hỗ trợ các đợt ra quân giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng, chống cháy nổ và các hoạt động khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Chi hỗ trợ, đảm bảo điều kiện hoạt động cho Lực lượng an ninh trật tự cơ sở theo quy định.

đ) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế. Chi hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và chính sách của địa phương thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

Chi lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản chi khác để bảo đảm hoạt động của trạm y tế cấp xã; hỗ trợ, thăm hỏi nhân các ngày lễ lớn của ngành y tế; chi tuyên truyền, phòng, chống dịch bệnh và các nhiệm vụ y tế khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, du lịch và phát thanh, truyền hình:

Chi cho các hoạt động văn hóa, nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh và các hoạt động thông tin, thể dục thể thao do cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện.

Chi cho các hoạt động quản lý, xúc tiến, quảng bá, phát triển ngành du lịch.

Chi hoạt động của Ban chỉ đạo "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; hỗ trợ công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng khu, cụm dân cư văn hóa và chi sự nghiệp văn hóa thông tin khác do cấp xã quản lý.

g) Chi bảo vệ môi trường và các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý:

Chi lĩnh vực nông nghiệp, môi trường: Chi duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, trạm nông nghiệp, trạm lâm nghiệp; chi hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; khoanh nuôi, quản lý, bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng; hỗ trợ về giá sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác các công trình thủy lợi thuộc cấp xã quản lý; hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; chi đặt hàng, đấu thầu thực hiện các dịch vụ nông nghiệp, khuyến ngư, chăn nuôi, thú y, thủy sản, môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, biển và hải đảo, nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, giảm nghèo, chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế tập thể và ngành nghề nông thôn thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chi lĩnh vực giao thông: Chi duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường bộ và các công trình giao thông khác do cấp xã quản lý; lắp đặt biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý.

Chi lĩnh vực tài nguyên: Chi đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cấp xã quản lý theo phân cấp.

Chi các hoạt động kiến thiết thị chính: Chi chỉnh trang đô thị; duy tu, bảo dưỡng, duy trì hoạt động của hệ thống giao thông, vỉa hè, chiếu sáng công cộng, công viên, cây xanh và các hoạt động quản lý đô thị khác.

Chi thực hiện các chính sách thu hút, ưu đãi đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực thuộc hoạt động kinh tế theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Chi thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch; chi các hoạt động kinh tế, bảo vệ môi trường khác do cấp xã quản lý theo phân cấp.

h) Chi bảo đảm xã hội, gồm:

Chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã đã nghỉ việc; chi cứu tế xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội và các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác do cấp xã quản lý.

Chi thăm hỏi, trợ cấp, tặng quà gia đình chính sách, các hoạt động tình nghĩa nhân các ngày truyền thống, lễ, tết và chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo quy định của cấp có thẩm quyền; chi thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến; chi trợ cấp xã hội cho người già neo đơn, trẻ mồ côi,

người khuyết tật không nơi nương tựa và thực hiện các chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội khác thuộc phạm vi quản lý.

i) Chi quản lý hành chính, gồm:

Chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Chi hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo quy định.

Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố và các lực lượng khác theo quy định; tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

Chi hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; Ban thanh tra nhân dân và các hoạt động quản lý nhà nước khác tại cấp xã.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, nhiệm vụ từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên do cấp xã quản lý.

4. Chi hỗ trợ các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ các địa phương khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã; chi từ nguồn huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã.

6. Chi bổ sung Quỹ thi đua - khen thưởng cấp xã.

7. Chi dự phòng ngân sách cấp xã.

8. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã sang năm sau.

9. Chi nộp trả ngân sách cấp trên./.

Phụ lục 01:
DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU CÓ NGÂN SÁCH CẤP XÃ HƯỞNG 100% CÁC KHOẢN THU QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 5

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

STT	Tên xã, phường, đặc khu	STT	Tên xã, phường, đặc khu	STT	Tên xã, phường, đặc khu	STT	Tên xã, phường, đặc khu
1	Xã Đắk Wil	28	Xã Tuy Phong	55	Xã Nghị Đức	82	Xã Đam Rông 1
2	Xã Nam Dong	29	Xã Phan Rí Cửa	56	Xã Bắc Ruộng	83	Xã Đam Rông 2
3	Xã Cư Jút	30	Xã Bắc Bình	57	Xã Đồng Kho	84	Xã Đam Rông 3
4	Xã Thuận An	31	Xã Hồng Thái	58	Xã Tánh Linh	85	Xã Đam Rông 4
5	Xã Đức Lập	32	Xã Hải Ninh	59	Xã Suối Kiết	86	Xã Hòa Ninh
6	Xã Đắk Mil	33	Xã Phan Sơn	60	Xã Nam Thành	87	Xã Hòa Bắc
7	Xã Đắk Sắk	34	Xã Sông Lũy	61	Xã Đức Linh	88	Xã Bảo Thuận
8	Xã Nam Đà	35	Xã Lương Sơn	62	Xã Hoài Đức	89	Xã Sơn Điền
9	Xã Krông Nô	36	Xã Hoà Thắng	63	Xã Trà Tân	90	Xã Gia Hiệp
10	Xã Nâm Nung	37	Xã Đông Giang	64	Đặc khu Phú Quý	91	Xã Bảo Lâm 2
11	Xã Quảng Phú	38	Xã La Dạ	65	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	92	Xã Bảo Lâm 3
12	Xã Đắk Song	39	Xã Hàm Thuận Bắc	66	Phường 3 Bảo Lộc	93	Xã Bảo Lâm 4
13	Xã Đức An	40	Xã Hàm Thuận	67	Xã Lạc Dương	94	Xã Bảo Lâm 5
14	Xã Thuận Hạnh	41	Xã Hàm Liêm	68	Xã Đơn Dương	95	Xã Đạ Huoai
15	Xã Trường Xuân	42	Phường Bình Thuận	69	Xã Ka Đô	96	Xã Đạ Huoai 2
16	Xã Tà Đùng	43	Xã Tuyên Quang	70	Xã Quảng Lập	97	Xã Đạ Huoai 3
17	Xã Quảng Khê	44	Xã Hàm Thạnh	71	Xã D'Ran	98	Xã Đạ Tẻh
18	Phường Bắc Gia Nghĩa	45	Xã Hàm Kiệm	72	Xã Hiệp Thạnh	99	Xã Đạ Tẻh 2
19	Phường Đông Gia Nghĩa	46	Xã Tân Thành	73	Xã Tân Hội	100	Xã Đạ Tẻh 3
20	Xã Quảng Tân	47	Xã Hàm Thuận Nam	74	Xã Tà Hine	101	Xã Cát Tiên
21	Xã Tuy Đức	48	Xã Tân Lập	75	Xã Tà Năng	102	Xã Cát Tiên 2
22	Xã Kiến Đức	49	Xã Tân Minh	76	Xã Đinh Văn Lâm Hà	103	Xã Cát Tiên 3
23	Xã Quảng Tín	50	Xã Hàm Tân	77	Xã Phú Sơn Lâm Hà	104	Xã Di Linh
24	Xã Quảng Hòa	51	Xã Sơn Mỹ	78	Xã Nam Hà Lâm Hà	105	Phường Lang Biang - Đà Lạt
25	Xã Quảng Sơn	52	Phường La Gi	79	Xã Nam Ban Lâm Hà		
26	Xã Quảng Trực	53	Phường Phước Hội	80	Xã Tân Hà Lâm Hà		
27	Xã Liên Hương	54	Xã Tân Hải	81	Xã Phúc Thọ Lâm Hà		

***Ghi chú**: Riêng đối với thuế giá trị gia tăng, phạm vi xác định dự toán thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các xã, phường, đặc khu hưởng được tính theo công thức = Tổng dự toán thuế giá trị gia tăng (phần ngân sách địa phương được hưởng)/Tổng dự toán thuế giá trị gia tăng trên địa*

bàn tỉnh x Dự toán thuế giá trị gia tăng của từng xã, phường, đặc khu.

Phụ lục 02
DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG CÓ TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 5 GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

STT	Địa phương	Tổng số (%)	Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp xã (%)
1	Phường 1 Bảo Lộc	100	61	39
2	Phường 2 Bảo Lộc	100	41	59
3	Phường B'Lao	100	90	10
4	Phường Cam Ly - Đà Lạt	100	77	23
5	Phường Hàm Thắng	100	40	60
6	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	100	91,5	8,5
7	Phường Mũi Né	100	73	27
8	Phường Nam Gia Nghĩa	100	54	46
9	Phường Phan Thiết	100	38,5	61,5
10	Phường Phú Thủy	100	71,5	28,5
11	Phường Tiến Thành	100	52	48
12	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	100	79,5	20,5
13	Xã Bảo Lâm 1	100	56	44
14	Xã Đinh Trang Thượng	100	22	78
15	Xã Đức Trọng	100	3	97
16	Xã Hồng Sơn	100	37	63
17	Xã Nhân Cơ	100	84	16
18	Xã Ninh Gia	100	64	36
19	Xã Vĩnh Hảo	100	94	6

***Ghi chú**: Đối với thuế giá trị gia tăng, phạm vi xác định dự toán thu thuế giá trị gia tăng phần ngân sách địa phương được hưởng (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã) được tính theo công thức = Tổng dự toán thuế giá trị gia tăng (phần ngân sách địa phương được hưởng)/Tổng dự toán thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh x Dự toán thuế giá trị gia tăng của từng xã, phường, đặc khu. Sau khi xác định tổng thu được hưởng của ngân sách địa phương, sẽ thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) như quy định tại Phụ lục 02 này.*